

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện
dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc phạm vi, chức năng
quản lý nhà nước của Sở Nội vụ tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 672/QĐ-BNV ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 631/TTr-SNV ngày 03 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục 87 thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nội vụ tỉnh Thanh Hóa (có Danh mục kèm theo)¹.

¹ Địa chỉ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia: <https://dichvucong.gov.vn>

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (để b/c);
- Bộ Khoa học và Công nghệ
(Cục Chuyển đổi số Quốc gia) (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, HCKSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Thi', written in a cursive style.

Nguyễn Văn Thi

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NỘI VỤ TỈNH THANH HÓA
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp giải quyết
I	Lĩnh vực An toàn, vệ sinh lao động			
1	2.000111.000.00.00.H56	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động	An toàn, vệ sinh lao động	Cấp Tỉnh
2	1.005450.000.00.00.H56	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)	An toàn, vệ sinh lao động	Cấp Tỉnh
3	1.005449.000.00.00.H56	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)	An toàn, vệ sinh lao động	Cấp Tỉnh
II	Lĩnh vực Lao động			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp giải quyết
1	1.000414.000.00.00.H56	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	Lao động	Cấp Tỉnh
2	1.000436.000.00.00.H56	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Lao động	Cấp Tỉnh
3	1.000448.000.00.00.H56	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Lao động	Cấp Tỉnh
4	1.000479.000.00.00.H56	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Lao động	Cấp Tỉnh
5	1.000464.000.00.00.H56	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Lao động	Cấp Tỉnh
6	1.009467.000.00.00.H56	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể	Lao động	Cấp Tỉnh
7	1.009466.000.00.00.H56	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể	Lao động	Cấp Tỉnh
III	Lĩnh vực Người có công			
1	1.010829.000.00.00.H56	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Người có công	Cấp Tỉnh
2	1.010826.000.00.00.H56	Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	Người có công	Cấp Tỉnh
3	1.010802.000.00.00.H56	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	Người có công	Cấp Tỉnh
4	1.010830.000.00.00.H56	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Người có công	Cấp Tỉnh
5	1.010808.000.00.00.H56	Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	Người có công	Cấp Tỉnh
6	1.010809.000.00.00.H56	Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao	Người có	Cấp Tỉnh

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp giải quyết
		động	công	
7	2.001157.000.00.00.H56	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Người có công	Cấp Tỉnh
8	1.010801.000.00.00.H56	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	Người có công	Cấp Tỉnh
9	1.010828.000.00.00.H56	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng	Người có công	Cấp Tỉnh
10	1.010811.000.00.00.H56	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	Người có công	Cấp Xã
11	1.013750.H56	Thăm viếng mộ liệt sĩ	Người có công	Cấp Xã
12	1.010820.000.00.00.H56	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	Người có công	Cấp Xã
13	1.010821.000.00.00.H56	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Người có công	Cấp Xã
14	2.002308.000.00.00.H56	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	Người có công	Cấp Xã
15	2.002307.000.00.00.H56	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	Người có công	Cấp Xã
16	1.010803.000.00.00.H56	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Người có công	Cấp Xã
17	1.001257.000.00.00.H56	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của	Người có công	Cấp Xã

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp giải quyết
		Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		
18	1.010824.000.00.00.H56	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	Người có công	Cấp Xã
19	1.010833.000.00.00.H56	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	Người có công	Cấp Xã
20	1.004964.000.00.00.H56	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	Người có công	Cấp Xã
21	1.010804.000.00.00.H56	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	Người có công	Cấp Xã
22	1.010814.000.00.00.H56	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	Người có công	Cấp Xã
23	1.010816.000.00.00.H56	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Người có công	Cấp Xã
24	1.010817.000.00.00.H56	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Người có công	Cấp Xã
25	1.010827.000.00.00.H56	Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú	Người có công	Cấp Xã
26	1.010825.000.00.00.H56	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	Người có công	Cấp Xã
27	1.010818.000.00.00.H56	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	Người có công	Cấp Xã
28	1.010819.000.00.00.H56	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	Người có công	Cấp Xã

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp giải quyết
IV	Lĩnh vực Việc làm			
1	1.013718.H56	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Việc làm	Cấp Tỉnh
2	2.000219.000.00.00.H56	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài	Việc làm	Cấp Tỉnh
3	1.013719.H56	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Việc làm	Cấp Tỉnh
4	1.013722.H56	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Việc làm	Cấp Tỉnh
5	1.000459.000.00.00.H56	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	Việc làm	Cấp Tỉnh
6	1.009873.000.00.00.H56	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Việc làm	Cấp Tỉnh
7	1.009874.000.00.00.H56	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Việc làm	Cấp Tỉnh
8	1.013720.H56	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Việc làm	Cấp Tỉnh
9	1.013721.H56	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Việc làm	Cấp Tỉnh
10	1.001978.000.00.00.H56	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc làm	Cấp Tỉnh
11	1.001973.000.00.00.H56	Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc làm	Cấp Tỉnh
12	1.001966.000.00.00.H56	Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc làm	Cấp Tỉnh
13	2.001953.000.00.00.H56	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc làm	Cấp Tỉnh
14	2.000178.000.00.00.H56	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đi)	Việc làm	Cấp Tỉnh

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp giải quyết
15	1.000401.000.00.00.H56	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đến)	Việc làm	Cấp Tỉnh
16	1.000362.000.00.00.H56	Thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng	Việc làm	Cấp Tỉnh
17	1.001865.000.00.00.H56	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Việc làm	Cấp Tỉnh
18	1.001853.000.00.00.H56	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Việc làm	Cấp Tỉnh
19	1.001823.000.00.00.H56	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Việc làm	Cấp Tỉnh
20	1.000105.000.00.00.H56	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	Việc làm	Cấp Tỉnh
21	2.000205.000.00.00.H56	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Cấp Tỉnh
22	2.000192.000.00.00.H56	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Cấp Tỉnh
23	1.009811.000.00.00.H56	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (cấp Tỉnh)	Việc làm	Cấp Tỉnh
V	Lĩnh vực Quản lý lao động ngoài nước			
1	1.005132.000.00.00.H56	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày	Quản lý lao động ngoài nước	Cấp Tỉnh
2	1.013729.H56	Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở nước ngoài	Quản lý lao động ngoài nước	Cấp Tỉnh
3	1.013728.H56	Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của tổ chức, cá nhân Việt Nam đầu tư ra nước ngoài	Quản lý lao động ngoài nước	Cấp Tỉnh

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp giải quyết
4	1.013727.H56	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập từ 90 ngày trở lên	Quản lý lao động ngoài nước	Cấp Tỉnh
5	1.013731.H56	Đăng ký hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài	Quản lý lao động ngoài nước	Cấp Tỉnh
6	1.013733.H56	Chuẩn bị nguồn lao động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Quản lý lao động ngoài nước	Cấp Tỉnh
7	1.013734.H56	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết	Quản lý lao động ngoài nước	Cấp Xã
VI	Lĩnh vực Quản lý nhà nước về hội, quỹ			
1	1.012948.H56	Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn (cấp tỉnh)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Cấp Tỉnh
2	1.013018.H56	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Cấp Tỉnh
3	1.012927.H56	Công nhận ban vận động thành lập hội (Cấp tỉnh)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Cấp Tỉnh
4	1.012929.H56	Thành lập hội (cấp tỉnh)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Cấp Tỉnh
5	1.013023.H56	Quỹ tự giải thể	Quản lý nhà	Cấp Tỉnh

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp giải quyết
			nước về hội, quỹ	
6	1.013021.H56	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Cấp Tỉnh
7	1.013022.H56	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Cấp Tỉnh
8	1.012945.H56	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội (cấp tỉnh)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Cấp Tỉnh
9	1.013020.H56	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Cấp Tỉnh
10	1.013019.H56	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Cấp Tỉnh
11	1.012946.H56	Hội tự giải thể (cấp tỉnh)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Cấp Tỉnh
12	1.012947.H56	Cho phép hội đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện (cấp tỉnh)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Cấp Tỉnh
13	1.012942.H56	Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội (cấp tỉnh)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Cấp Tỉnh

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cấp giải quyết
14	1.013017.H56	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Cấp Tỉnh
15	1.012943.H56	Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội (cấp tỉnh)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	Cấp Tỉnh
VII	Lĩnh vực Công tác thanh niên			
1	2.001717.000.00.00.H56	Thành lập tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh	Công tác thanh niên	Cấp Tỉnh
2	2.001683.000.00.00.H56	Xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	Công tác thanh niên	Cấp Tỉnh
3	1.003999.000.00.00.H56	Giải thể tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh	Công tác thanh niên	Cấp Tỉnh
VIII	Lĩnh vực Lao động, tiền lương và bảo hiểm xã hội			
1	2.001955.000.00.00.H56	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	Lao động, tiền lương và bảo hiểm xã hội	Cấp Tỉnh